

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 10-01-2024

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyên

Ông Lương Tú Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2023/TLST - DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Nam Á.

Địa chỉ: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng 8, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt

Địa chỉ: Số 168 Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Ea K, xã Ea N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Nam Á (sau đây viết tắt là ngân hàng Nam Á) trình bày:

Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đắk Lắk và ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị H có giao kết Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018 kèm theo giấy nhận nợ số 01/GNN-1179/2018/502-TD-CV ngày 17/12/2018 và Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0128/2019/502-CV ngày 19/02/2019 để cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị H cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018. Số tiền vay là 600.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục phục vụ SXNN; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 9.5 %/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm; Thời hạn vay: Từ ngày 17/5/2019 đến ngày 17/5/2020. Quá trình vay ông L, bà H đã trả được 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi trả 3 lần: Ngày 17/6/2019 trả 32.580.822 đồng, ngày 17/12/2019 trả 36.850.685 đồng, ngày 26/6/2020 trả 7.915.701 đồng tiền lãi. Tổng số tiền đã trả là 127.347.208 đồng.

Tính đến ngày 12/10/2023 ông L, bà H còn nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018 là 869.916.760 đồng, trong đó nợ gốc: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 319.916.760 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0128/2019/502-CV ngày 19/02/2019. Hạn mức thẻ: 5.000.000 đồng; Mục đích sử dụng thẻ: Tiêu dùng; Thời hạn sử dụng thẻ: Bằng thời hạn hiệu lực thẻ và được đập nổi hoặc in trên thẻ; Thời hạn cấp tín dụng: Theo điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Nam A Bank; Lãi suất và phí: Theo Biểu phí do Nam A Bank ban hành trong từng thời kỳ; Dư nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/10/2023 là: Nợ gốc: 4.707.543 đồng. Nợ lãi: 7.420.513 đồng.

Khoản vay tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0476/2018/502-BĐ ngày 13/12/2018 là: Thửa đất số 10, tờ bản đồ 44, Địa chỉ: xã Cư Né, huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 14582 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số V 457188, Số vào sổ cấp GCN: 377700 QSDĐ/ĐH do UBND huyện Krông Búk, cấp ngày 14/11/2002;

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông L, H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông L, bà H trả nợ nhưng ông L, bà H vẫn không thực hiện. Nay ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L, bà H trả số tiền: Tổng dư nợ của 02 khoản vay mà ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á tạm tính đến

ngày 12/10/2023 đồng: 882.044.816 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 554.707.543 đồng; Nợ lãi: 327.337.273 đồng.

Trường hợp ông L, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP Nam Á, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Nam Á có quyền được tự phát mãi tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm đã nêu rõ trong phần nội dung tranh chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định pháp luật. Và buộc vợ chồng bà H tiếp tục chịu lãi suất theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng xử dụng thẻ đã ký kết với ngân hàng cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thế L trình bày:

Thừa nhận ông L, bà H có ký Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018 với ngân hàng TMCP Nam Á để vay số tiền 600.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục phục vụ SXNN; Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 9.5 %/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm; Thời hạn vay: Từ ngày 17/5/2019 đến ngày 17/5/2020. Quá trình vay vợ chồng ông L, bà H đã trả được 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi trả 3 lần: Ngày 17/6/2019 trả 32.580.822 đồng, ngày 17/12/2019 trả 36.850.685 đồng, ngày 26/6/2020 trả 7.915.701 đồng tiền lãi. Tổng số tiền đã trả là 127.347.208 đồng. Tính đến ngày 12/10/2023 ông L, bà H còn nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018 là 869.916.760 đồng, trong đó nợ gốc: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 319.916.760 đồng.

Ngoài ra ông L, bà H còn ký Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0128/2019/502-CV ngày 19/02/2019. Hạn mức thẻ: 5.000.000 đồng; Mục đích sử dụng thẻ: Tiêu dùng; Dư nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/10/2023 là: Nợ gốc: 4.707.543 đồng; Nợ lãi: 7.420.513 đồng.

Khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0476/2018/502-BĐ ngày 13/12/2018 là: Thửa đất số 10, tờ bản đồ 44, Địa chỉ: xã Cư Né, huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 14582 m² chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số V 457188, Số vào sổ cấp GCN: 377700 QSDĐ/ĐH do UBND huyện Krông Búk, cấp ngày 14/11/2002;

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông L, bà H chưa thanh toán được cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Hiện nay ngân hàng khởi kiện ông L, bà H hẹn chậm nhất ngày 12/12/2023 sẽ trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ đúng thời hạn vợ

chồng ông L, bà H chấp nhận để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp đã thế chấp theo quy định pháp luật.

Đối với tiền gốc, lãi của tiền gốc ông L, bà H đồng ý. Đối với lãi và các khoản phạt lãi ông L và chị H không đồng ý.

Còn đối với thẻ tín dụng, việc sử dụng thẻ và số nợ thẻ tín dụng ông L, bà H trình bày là chưa sử dụng và chưa rút tiền từ thẻ lần nào nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số dư nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 09/11/2023 là: Nợ gốc: 4.707.543 đồng. Nợ lãi: 7.420.513 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày của ông L, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á số tiền nợ gốc là 554.707.543 đồng, lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Chấp nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa ông L, bà H và ngân hàng TMCP Nam Á. Cần buộc ông L và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á với bị đơn ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị H đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn không đến tham gia. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ngày 13/12/2018 ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Nam Á, vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay đầu tư phục vụ sản xuất, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 17/5/2019 đến ngày 17/5/2020.

Ngày 19/02/2019 vợ chồng ông L ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng phát hành thẻ số 0128/2019/502-CV, hạn mức 5.000.000 đồng, mục đích sử dụng

thẻ: tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ bằng thời hạn hiệu lực thẻ và được dập nổi hoặc in trên thẻ; thời hạn cấp tín dụng: Theo điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Nam A Bank; lãi suất và phí: Theo biểu phí do Nam Á Bank ban hành trong từng thời kỳ.

Các tình tiết mà đương sự đã thông nhất: Ông L, bà H đều thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018; Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số: 0128/2019/502-CV ngày 19/02/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0476/2018/502-BĐ ngày 13/12/2018. Do đó, đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Ngân hàng Nam Á đã giải ngân số tiền 600.000.000 đồng cho ông L, bà H và ông L đã rút từ tài khoản thẻ số tiền 4.000.000 đồng. Quá trình vay hai hợp đồng nêu trên ông L, bà H đã thanh toán được 50.000.000 đồng tiền gốc; tổng tiền lãi đã trả là 77.347.208 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất đã trả là 127.347.208 đồng. Ngoài ra ông L, bà H không thanh toán được khoản tiền nào khác cho ngân hàng mặc dù đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông L, bà H vẫn không thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi theo các hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 12/10/2023 ông L, bà H còn nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 1179/2018/502-TD-CV ngày 13/12/2018 là 869.916.760 đồng, trong đó nợ gốc: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 319.916.760 đồng; Theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số: 0128/2019/502-CV ngày 19/02/2019, tạm tính đến ngày 09/11/2023 là 4.707.543 đồng tiền gốc. Nợ lãi: 7.420.513 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà H chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng tiền vay gốc còn không đồng ý trả tiền lãi xuất và không thừa nhận có rút tiền từ thẻ tín dụng. Tuy nhiên căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ được ký kết giữa Ngân hàng và ông L, bà H thì có điều khoản thỏa thuận về lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn và bảng tóm tắt sao kê đối với khách hàng sử dụng thẻ thể hiện ngày 24/4/2019 khách hàng Nguyễn Thế L có rút tiền từ tài khoản thẻ của Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên HĐXX không chấp nhận ý kiến trên của ông L, bà H.

Như vậy, việc vợ chồng ông L, bà H có nợ ngân hàng Nam Á số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng 869.916.760 đồng (Tạm tính đến ngày 12/10/2023 09/11/2023) và tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ là 12.128.056 đồng (Tạm tính đến ngày 09/11/2023) là có thật, việc thiết lập hợp đồng vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo

đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng Nam Á đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nhưng ông L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc ông L, bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng Nam Á, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà H phải trả số nợ như trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Khi vay ông L, bà H có thể chấp ngân hàng Nam Á các tài sản: Thửa đất số 10, tờ bản đồ 44, Địa chỉ: xã Cư Né, huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 14582 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số V 457188, Sổ vào sổ cấp GCN: 377700 QSDĐ/ĐH do UBND huyện Krông Búk, cấp ngày 14/11/2002. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0476/2018/502-BĐ ngày 13/12/2018 đã được chứng thực. Như vậy, xét về Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký kết giữa các bên là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên khi ông L, bà H không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[4] Về các chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của ngân hàng Nam Á được chấp nhận nên cần buộc ông L, bà H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Nam Á đã đóng tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Vì vậy, cần buộc ông L, bà H có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng Nam Á 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của ngân hàng Nam Á được chấp nhận nên ông L, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ngân hàng Nam Á đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 40, Điều 48, Điều 54 của Luật Công chứng 2014.

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Buộc ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng Nam Á số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng là 869.916.760 đồng, trong đó nợ gốc: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 319.916.760 đồng. (Tạm tính đến ngày 12/10/2023) và tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ là 12.128.056 đồng, trong đó nợ gốc 4.707.543 đồng, nợ lãi: 7.420.513 đồng (Tạm tính đến ngày 09/11/2023).

Ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ 44, Địa chỉ: xã Cư Né, huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk; Diện tích: 14582 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số V 457188, do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 14/11/2002. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0476/2018/502-BĐ ngày 13/12/2018.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á được chấp nhận nên cần buộc ông L, bà H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á đã đóng tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông L, bà H có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 38.461.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á 16.624.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2021/0011545, ngày 01/8/2023 (do ông Bùi Quốc Tuấn nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam

Á có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường